

QUAN TRỌNG NHẤT LÀ CÔNG ẪN VIỆC LÀM !

TRẦN ĐÀO

Công ăn việc làm vừa là động lực, vừa là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế. Trong điều kiện bình thường đã như vậy; trong điều kiện Việt Nam chịu tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới, thì điều đó lại càng đúng là lao động việc làm đang trở thành vấn đề quan trọng nhất.

Vai trò của công ăn việc làm

Vai trò của công ăn việc làm đối với Việt Nam được xét trên nhiều mặt.

Thứ nhất, nền kinh tế mà Việt Nam lựa chọn là nền kinh tế thị trường, định hướng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Kinh tế thị trường là để khai thác các nguồn lực của các thành phần kinh tế; định hướng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là vì con người, trong đó có người lao động. Vì vậy, công ăn việc làm vừa là động lực, vừa là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế.

Thứ hai, Việt Nam vừa có những lợi thế, vừa có những hạn chế, bất cập về công ăn việc làm.

Lợi thế được thể hiện ở nhiều mặt. Việt Nam có số lao động đang làm việc đông đảo và tăng nhanh qua các năm.

Năm 2008 so với năm 1990, số lao động đang làm việc tăng 15.624,9 nghìn người, hay tăng 53,1%, bình quân 1 năm tăng 868,1 nghìn người, hay tăng 2,4%. Cần lưu ý, để có được số lao động đang làm việc tăng lên như trên, thì số

người đã giải quyết công ăn việc làm hàng năm phải cao hơn nhiều (để thay thế cho số lao động bị giảm do quá tuổi, chết, thất nghiệp,...).

Trong tổng số lao động đang làm việc tăng thêm như trên:

- Khu vực nhà nước chỉ tăng 657,7 nghìn người, chiếm 4,2% tổng số tăng;

- Khu vực ngoài nhà nước tăng 13.135,8 nghìn người, chiếm 84,1% tổng số tăng;

- Khu vực có vốn ĐTNN tăng 1.831,4 nghìn người, chiếm 11,7% tổng số tăng;

Trong tổng số lao động đang làm việc, khu vực nhà nước chiếm 9%, khu vực ngoài nhà nước chiếm 86,9%, khu vực có vốn ĐTNN chiếm 4,1%.

Như vậy, công cuộc đổi mới, mở cửa hội nhập đã tạo ra các thị trường, trong đó có thị trường lao động việc làm; nhờ đó đã góp phần

tạo công ăn việc làm- một mục tiêu lớn của đất nước.

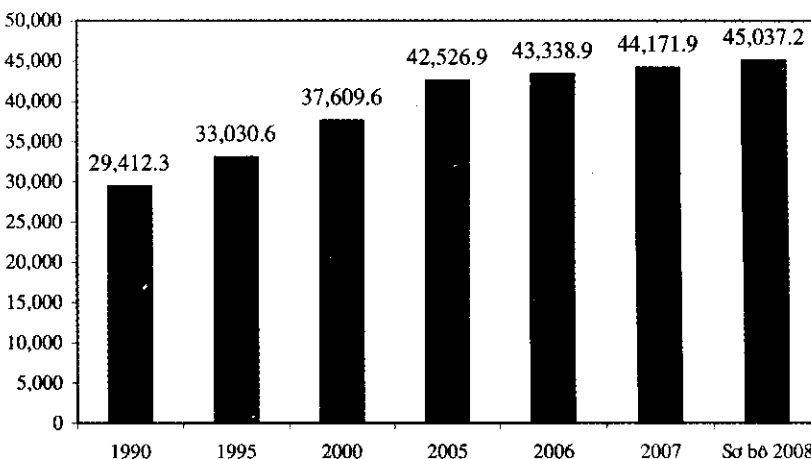
Một lợi thế khác là giá nhân công rẻ, góp phần tạo sức cạnh tranh của sản phẩm.

Cơ cấu lao động theo ngành bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng : tỷ trọng lao động đang làm việc trong nhóm ngành nông, lâm nghiệp - thủy sản giảm (từ 73% năm 1990 giảm xuống còn 52,5% năm 2008); tỷ trọng lao động đang làm việc trong nhóm ngành công nghiệp- xây dựng tăng (tương ứng từ 11,2% lên 20,8%); tỷ trọng lao động đang làm việc trong nhóm ngành dịch vụ tăng (tương ứng từ 15,7% lên 26,7%).

Hạn chế, bất cập về lao động việc làm cũng biểu hiện trên nhiều mặt. Tỷ lệ thất nghiệp tuy giảm, nhưng tỷ lệ thiếu việc làm còn cao, nếu quy ra thất nghiệp thì tỷ lệ của Việt Nam còn khá cao. Cơ cấu lao động theo nhóm ngành chuyển dịch

SỐ LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC TẠI THỜI ĐIỂM 1/7 HÀNG NĂM

Ngìn người



còn chậm. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp và có khả năng không đạt mục tiêu 40% đề ra cho đến năm 2010. Năng suất lao động nhìn chung còn thấp: năm 2008 đạt 32.833 nghìn đồng/người/năm, tương đương với 1.959 USD, trong đó nhóm ngành nông, lâm nghiệp - thủy sản 13.764 nghìn đồng, tương đương với 821 USD, trong khi lao động đang làm việc trong nhóm ngành này còn chiếm 52,5% tổng số. Năng suất lao động thấp một mặt thể hiện chất lượng tăng trưởng thấp, mặt khác làm cho tích lũy cũng bị thấp theo. Giá nhân công rẻ tuy là một lợi thế, nhưng một mặt nó cũng có tính tạm thời, mặt khác cũng là một sự thua thiệt trong xuất khẩu, khi cánh kéo tỷ giá rất lớn (1 USD tại Việt Nam có sức mua bằng 3- 4 USD tại Mỹ) và cũng vì thế mà thường bị kiện bán phá giá,...

Công ăn việc làm thời khủng hoảng

Cuộc khủng hoảng hiện có bốn xu hướng đáng lưu ý. *Một là*, lớn lên thành cuộc Đại khủng hoảng, trăm năm mới có một lần- tức là được ví như cuộc Đại khủng hoảng trong thập niên 30 của Thế kỷ trước. *Hai là*, mở rộng từ lĩnh vực tài chính sang khủng hoảng kinh tế thực và sang lĩnh vực lao động việc làm. *Ba là*, lan rộng từ nước Mỹ sang các nền kinh tế phát triển, sang các nền kinh tế đang phát triển và toàn thế giới. *Bốn là*, các nước đang phát triển có thể thiệt hại về vật chất, có thể mức độ tăng trưởng âm không lớn như các nước phát triển, nhưng có thể thiệt hại về nguồn vốn nước ngoài vào, về xuất khẩu sẽ lớn hơn nhiều, và về lao động việc làm cũng lớn hơn nữa.

Việt Nam mở cửa hội nhập đã được nhiều năm, gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) hai năm, có tỷ lệ xuất khẩu so với GDP thuộc loại rất cao, có lực lượng lao động khá đông đảo trên



45 triệu người, có giá nhân công rất rẻ, nhưng tính gia công lại rất cao, nên tác động của cuộc khủng hoảng thế giới với bốn xu hướng trên lớn hơn dự báo, trong đó có vấn đề lao động việc làm. Chỉ trong mấy tháng cuối năm 2008, cả nước đó có khoảng 30 nghìn lao động làm việc bị mất việc làm; tính chung cả năm kế hoạch giải quyết số người có việc làm mới đã không đạt. Theo tính toán sơ bộ, năm 2009 với tốc độ tăng GDP còn 6%, trong khi hệ số giữa tốc độ tăng GDP so với tốc độ tăng số lượng lao động đang làm việc (khoảng 4,5 lần) thì tốc độ tăng số lao động đang làm việc tính theo tốc độ tăng trưởng kinh tế chỉ còn đạt 1,33%, thấp hơn khoảng 0,65%, tính ra khoảng 300 nghìn người. Nếu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt thấp hơn thì số lao động mất việc làm sẽ còn cao hơn.

Ở khu vực thành thị, số người mất việc làm sẽ gia tăng do số doanh nghiệp bị phá sản, bị thua lỗ, thu hẹp sản xuất, sản phẩm ứ đọng không tiêu thụ được.

Số người đến tuổi lao động ở khu vực nông thôn cao gấp hơn ba lần ở khu vực thành thị do dân số chiếm tỷ trọng cao hơn, tỷ lệ sinh cao hơn. Nếu trước đây, số này

chuyển ra làm việc ở khu vực thành thị nhiều hơn thì năm nay do tăng trưởng các ngành công nghiệp- xây dựng và dịch vụ bị sụt giảm nên đã bị “chặn lại” phần lớn. Cũng do tăng trưởng công nghiệp- xây dựng và dịch vụ bị sụt giảm mà số lao động đang làm việc ở các nhóm ngành này bị mất việc làm tăng lên, sẽ trở về quê tạo áp lực về việc làm ở nông thôn. Trong những năm trước, mỗi năm có khoảng trên dưới 7 vạn người đi xuất khẩu lao động ở các nước, nay do các nước trên tăng trưởng kinh tế cũng bị suy giảm nên việc tiếp nhận thêm số lao động ở nước ngoài bị hạn hẹp, thậm chí có một số nước còn cắt giảm hợp đồng, làm cho một số lao động đang làm việc phải trở về nước trước hạn, tạo thêm áp lực công ăn việc làm ở trong nước. Một lần nữa, nông nghiệp, nông thôn lại phải giúp phần giải quyết tình trạng lao động “chảy ngược” này.

Tình trạng có thể kéo dài hàng năm, thậm chí có thể lâu hơn, nên một mặt cần có sự chia sẻ giữa Nhà nước, chủ sử dụng lao động và người lao động, giữa thành thị với nông thôn; mặt khác cần tranh thủ thời gian này để tăng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo hiện còn thấp ở nước ta. □